

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – KIÊN GIANG**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
đã được kiểm toán



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 29



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 1701947619 ngày 14 tháng 02 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi bổ sung.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đường D1, D2 – KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Xanh	Chủ tịch
Ông Phan Đăng Tuất	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Dũng	Thành viên
Ông Võ Thanh Hà	Thành viên
Ông Lê Văn Thập	Thành viên (từ ngày 17/6/2016)

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Thập	Giám đốc
Ông Hoàng Xuân Tùng	Phó Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban (từ ngày 17/6/2016)
Ông Trần Nguyên Trung	Trưởng ban (đến ngày 17/6/2016)
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên (từ ngày 17/6/2016)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều	Thành viên (từ ngày 17/6/2016)

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

21388  
ÔNG T  
NHIỆM H  
VỤ TU  
INH K  
HIỆM T  
AM VI  
P. HỒ

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Giám đốc**



**Lê Văn Thập**  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2017

4-C.T.  
Y  
BAN  
VĂN  
TOÁN  
DÂN  
I  
CHI M



Số: 37/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang, được lập ngày 24/01/2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại báo cáo kiểm toán số HCM5467 ngày 26/05/2016.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Chức tịch HDTV**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Lan**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 24 tháng 01 năm 2017

**Nguyễn Anh Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1559-2013-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>141.221.942.545</b>	<b>145.804.128.516</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>38.576.056.676</b>	<b>85.067.671.396</b>
1. Tiền	111		29.576.056.676	567.671.396
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	84.500.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>72.444.178.665</b>	<b>34.785.602.646</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27.170.976.440	24.508.877.461
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	42.793.479.826	647.761.136
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.479.722.399	9.628.964.049
<b>III. Hàng tồn kho</b>	140	V.5	<b>29.752.860.636</b>	<b>25.620.647.498</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.752.860.636	25.620.647.498
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>448.846.568</b>	<b>330.206.976</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	448.846.568	330.206.976
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>755.720.239.152</b>	<b>581.613.093.499</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>1.320.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	1.320.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>525.233.665.749</b>	<b>546.853.580.480</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	524.157.765.749	545.772.055.480
- Nguyên giá	222		583.074.934.316	569.123.314.247
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.917.168.567)	(23.351.258.767)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.075.900.000	1.081.525.000
- Nguyên giá	228		1.083.400.000	1.083.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.500.000)	(1.875.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230	V.9	<b>12.626.678.359</b>	<b>12.979.350.147</b>
- Nguyên giá	231		13.211.124.257	13.211.124.257
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(584.445.898)	(231.774.110)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>193.574.761.073</b>	<b>3.103.123.003</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	193.574.761.073	3.103.123.003
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.11	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		300.000.000	300.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>22.665.133.971</b>	<b>18.377.039.869</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	22.665.133.971	18.377.039.869
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>896.942.181.697</b>	<b>727.417.222.015</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>759.012.164.582</b>	<b>593.414.912.162</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>345.252.417.676</b>	<b>249.262.114.744</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	61.777.549.598	56.008.411.217
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	192.541.598.519	87.866.384.674
3. Phải trả người lao động	314		-	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.547.826.243	27.749.937.742
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	12.249.727.363	379.999.526
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	76.000.000.000	76.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		135.715.953	1.257.381.585
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>413.759.746.906</b>	<b>344.152.797.418</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	413.759.746.906	344.152.797.418
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>137.930.017.115</b>	<b>134.002.309.853</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>137.930.017.115</b>	<b>134.002.309.853</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	99.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	99.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	4.356.912.849
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		324.264.343	3.960.829.862
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.605.752.773	26.684.567.142
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		125.933.332	(1.833.407.867)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.479.819.441	28.517.975.009
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>896.942.181.697</b>	<b>727.417.222.015</b>

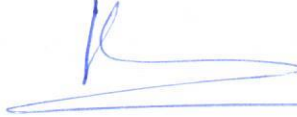
Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lâm

Ngày 24 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng



Hà Thị Hoàn Hào

Giám đốc



Lê Văn Thập



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		364.875.757.006	197.963.338.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	364.875.757.006	197.963.338.070
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	278.542.657.584	133.798.467.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.333.099.422	64.164.870.174
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	322.554.948	10.417.126.328
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.924.433.225	19.853.745.381
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.890.444.494	19.847.067.412
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.690.148.368	1.684.501.386
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.967.657.844	13.219.802.167
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.073.414.933	39.823.947.568
11. Thu nhập khác	31		10.742.559	27.169.662
12. Chi phí khác	32		37.684	242.818.606
13. Lợi nhuận khác	40		10.704.875	(215.648.944)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.084.119.808	39.608.298.624
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.084.119.808	39.608.298.624
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.315	4.022

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Lâm

Ngày 24 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Hà Thị Hoàn Hảo

Giám đốc



Lê Văn Thập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.084.119.808	39.608.298.624
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	35.924.206.588	23.423.498.588
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(245.971.084)	(1.978.495.196)
- Chi phí lãi vay	06	30.890.444.494	19.847.067.412
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.652.799.806	80.900.369.428
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.460.152.606	42.132.294.265
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.132.213.138)	(10.225.875.872)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	109.496.463.727	151.695.335.706
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.406.733.694)	(14.662.726.980)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(30.397.440.174)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.278.078.178)	(1.515.199.319)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>150.394.950.955</b>	<b>248.324.197.228</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(257.739.486.247)	(438.136.161.203)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(300.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay	27	245.971.084	1.978.495.196
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(257.493.515.163)</b>	<b>(436.457.666.007)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	16.000.000.000	35.200.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	257.523.762.652	232.341.700.678
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(187.916.813.164)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>60.606.949.488</b>	<b>267.541.700.678</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(46.491.614.720)</b>	<b>79.408.231.899</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>85.067.671.396</b>	<b>5.659.439.497</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>38.576.056.676</b>	<b>85.067.671.396</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Vũ Lâm

Hà Thị Hoàn Hảo

Lê Văn Thập

Ngày 24 tháng 01 năm 2017



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 1701947619 ngày 14 tháng 02 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đường D1, D2 – KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chung, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Dụng cụ quản lý	02 – 10 năm
- Phần mềm	08 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác được đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhà kho	38 năm
---------	--------

### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

388-  
CÔNG TY  
M HƯ  
TƯ  
H KẾ  
M TO  
VIỆT  
HỒ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các khoản dự trữ, các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều lệ được thông qua Đại hội cổ đông khi có đề nghị của Hội đồng quản trị.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước).
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	803.757.000	297.885.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.772.299.676	269.786.396
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	9.000.000.000	84.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.576.056.676</b>	<b>85.067.671.396</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV thương mại bia Sài Gòn	-	24.151.573.600
Tổng Công ty Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn	25.921.757.290	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc	1.249.219.150	330.207.561
Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây	-	27.096.300
<b>Cộng</b>	<b>27.170.976.440</b>	<b>24.508.877.461</b>

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan:**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV thương mại bia Sài Gòn	-	24.151.573.600
Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây	-	27.096.300
Tổng Công ty Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn	25.921.757.290	-

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	38.403.638.625	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Sài Gòn -Thạnh Lộc	1.150.000.000	-
Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Stech	2.035.090.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.204.751.201	647.761.136
<b>Cộng</b>	<b>42.793.479.826</b>	<b>647.761.136</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Phải thu khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2.479.722.399</b>	<b>9.628.964.049</b>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	1.990.711	-
Phải thu hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng	-	9.427.466.820
Phải thu do tạm ứng cổ tức	2.300.000.000	-
Tạm ứng	69.859.358	186.497.229
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
Phải thu khác	92.872.330	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.320.000.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.320.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.799.722.399</b>	<b>9.628.964.049</b>

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.077.852.004	-	8.154.016.096	-
Công cụ, dụng cụ	4.391.854.008	-	2.484.877.960	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.366.522.634	-	14.963.223.914	-
Thành phẩm	916.631.990	-	18.529.528	-
<b>Cộng</b>	<b>29.752.860.636</b>	<b>-</b>	<b>25.620.647.498</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>448.846.568</b>	<b>330.206.976</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	-	305.206.976
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	448.846.568	25.000.000
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>22.665.133.971</b>	<b>18.377.039.869</b>
Bao bì luân chuyển	13.417.428.521	15.249.345.979
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	2.056.040.988
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.247.705.450	1.071.652.902
<b>Cộng</b>	<b>23.113.980.539</b>	<b>18.707.246.845</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	139.169.766.151	358.974.444.850	28.123.787.343	41.994.009.571	861.306.332	569.123.314.247
Số tăng trong năm	5.422.864.199	1.917.416.493	5.798.667.282	812.672.095	-	13.951.620.069
- Mua trong năm	308.848.617	1.917.416.493	5.798.667.282	812.672.095	-	8.837.604.487
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.114.015.582	-	-	-	-	5.114.015.582
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>144.592.630.350</b>	<b>360.891.861.343</b>	<b>33.922.454.625</b>	<b>42.806.681.666</b>	<b>861.306.332</b>	<b>583.074.934.316</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.104.640.389	16.315.796.449	1.723.358.845	2.157.368.616	50.094.468	23.351.258.767
Khấu hao trong năm	4.902.682.094	24.611.738.638	2.605.739.514	3.312.497.624	133.251.930	35.565.909.800
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.007.322.483</b>	<b>40.927.535.087</b>	<b>4.329.098.359</b>	<b>5.469.866.240</b>	<b>183.346.398</b>	<b>58.917.168.567</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	136.065.125.762	342.658.648.401	26.400.428.498	39.836.640.955	811.211.864	545.772.055.480
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>136.585.307.867</b>	<b>319.964.326.256</b>	<b>29.593.356.266</b>	<b>37.336.815.426</b>	<b>677.959.934</b>	<b>524.157.765.749</b>

Tại ngày 31/12/2016 tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 524.157.765.749 đồng (tại ngày 31/12/2015: 545.772.055.480 đồng) đã được làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	45.000.000	1.083.400.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.038.400.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>1.083.400.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	1.875.000	1.875.000
Khấu hao trong năm	-	5.625.000	5.625.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>7.500.000</b>	<b>7.500.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.038.400.000	43.125.000	1.081.525.000
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.038.400.000</b>	<b>37.500.000</b>	<b>1.075.900.000</b>

**9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

	Nhà kho
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	13.211.124.257
Mua trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.211.124.257</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	231.774.110
Khấu hao trong năm	352.671.788
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>584.445.898</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	12.979.350.147
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>12.626.678.359</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí xây dựng nhà xưởng và máy móc thiết bị	193.574.761.073	3.103.123.003
<b>Cộng</b>	<b>193.574.761.073</b>	<b>3.103.123.003</b>

**11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần kho vận bia Sài Gòn – Kiên Giang với giá gốc là 300.000.000 đồng tương đương 30.000 cổ phần và chiếm 5% vốn điều lệ. Tại ngày lập báo cáo tài chính không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì đây là cổ phiếu của đơn vị chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	19.222.587.416
Krones Ag	24.255.619.540	-
Tổng Công ty CP Bia- Rượu- Nước Giải Khát Sài Gòn	28.730.399.568	35.119.545.065
Công ty CP Công nghiệp Xây dựng Toàn thành	2.564.945.832	-
CN Công ty TNHH TM Dịch vụ Đầu tư Công nghệ Xanh tại Kiên Giang	1.638.799.764	-
Phải trả người bán khác	4.587.784.894	1.666.278.736
<b>Cộng</b>	<b>61.777.549.598</b>	<b>56.008.411.217</b>

**Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	28.730.399.568	35.119.545.065

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.848.198.978	27.352.561.268	(22.503.854.951)	6.696.905.295
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	11.777.570.076	(11.777.570.076)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	85.986.031.696	372.211.784.680	(272.494.491.338)	185.703.325.038
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.092.756.341	(1.092.756.341)	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.154.000	1.180.584.297	(1.071.370.111)	141.368.186
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>87.866.384.674</b>	<b>413.618.256.662</b>	<b>(308.943.042.817)</b>	<b>192.541.598.519</b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	493.004.320	-
Trích trước chi phí tiền hối	-	1.075.360.000
Trích trước chi phí tiền điện, nước	-	312.379.806
Bao bì chai kết	-	2.250.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản	-	22.046.827.981
Trích trước tiền vận chuyển malt	1.263.043.525	-
Chi phí phải trả khác	791.778.398	2.065.369.955
<b>Cộng</b>	<b>2.547.826.243</b>	<b>27.749.937.742</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**15. Phải trả khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>12.249.727.363</b>	<b>379.999.526</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.000.000	250.000.000
Phải trả Tổng Công ty Cp Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	10.657.771.029	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.341.956.334	129.999.526
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>12.249.727.363</b>	<b>379.999.526</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>111.061.202.048</b>	<b>(111.061.202.048)</b>	<b>-</b>
Ngân Hàng LienVietPostbank Chi nhánh Sài Gòn	-	111.061.202.048	(111.061.202.048)	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>(76.000.000.000)</b>	<b>76.000.000.000</b>
Ngân Hàng LienVietPostbank Chi nhánh Sài Gòn	76.000.000.000	76.000.000.000	(76.000.000.000)	76.000.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>344.152.797.418</b>	<b>70.462.560.604</b>	<b>(855.611.116)</b>	<b>413.759.746.906</b>
Ngân Hàng LienVietPostbank Chi nhánh Sài Gòn	344.152.797.418	70.462.560.604	(855.611.116)	413.759.746.906
<b>Cộng</b>	<b>420.152.797.418</b>	<b>257.523.762.652</b>	<b>(187.916.813.164)</b>	<b>489.759.746.906</b>

Vay dài hạn Ngân Hàng LienVietPostbank Chi nhánh Sài Gòn có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 074-14/HĐTD-LPB.SG ngày 14/05/2014 và Phụ lục hợp đồng số 074-14/HĐTD-LPB.SG/PL01 ngày 24/05/2015 với tổng mức tín dụng được cấp là 500 tỷ đồng. Mục đích vay là xây dựng nhà máy bia Sài Gòn – Kiên Giang 50 triệu lít/ năm. Lãi suất vay theo từng thời điểm. Thời hạn vay là 7 năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay tại 31/12/2016 là 348.613.047.436 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 76.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 053-16/HĐTD-LPB.SG ngày 23/03/2016 với tổng mức tín dụng được cấp là 233 tỷ đồng. Mục đích vay là nâng công suất nhà máy bia Sài Gòn – Kiên Giang lên 100 triệu lít/ năm. Lãi suất vay theo từng thời điểm. Thời hạn vay là 7 năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay tại 31/12/2016 là 141.146.699.470 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>63.800.000.000</b>	-		<b>(1.833.407.867)</b>	<b>61.966.592.133</b>
Tăng vốn trong năm trước	35.200.000.000				35.200.000.000
Lãi trong năm trước				39.608.298.624	39.608.298.624
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.772.580.904)	(2.772.580.904)
Trích quỹ đầu tư phát triển			4.356.912.849	(4.356.912.849)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.960.829.862		(3.960.829.862)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>99.000.000.000</b>	<b>3.960.829.862</b>	<b>4.356.912.849</b>	<b>26.684.567.142</b>	<b>134.002.309.853</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>99.000.000.000</b>	<b>3.960.829.862</b>	<b>4.356.912.849</b>	<b>26.684.567.142</b>	<b>134.002.309.853</b>
Tăng vốn trong năm nay	16.000.000.000				16.000.000.000
Lãi trong năm nay				27.084.119.808	27.084.119.808
Trích thường vượt kế hoạch sản lượng năm 2015				(1.558.633.810)	(1.558.633.810)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2016				(1.895.888.387)	(1.895.888.387)
Tạm trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 2016		2.708.411.981		(2.708.411.981)	-
Chia cổ tức năm 2015				(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Giảm trong năm		(6.344.977.500)	(4.356.912.849)	-	(10.701.890.349)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>324.264.343</b>	<b>-</b>	<b>22.605.752.773</b>	<b>137.930.017.115</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	23.000.000.000	20,00	20.000.000.000	20,20
Công ty CP Bia nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô	5.000.000.000	4,35	5.000.000.000	5,05
Vốn góp của các đối tượng khác	87.000.000.000	75,65	74.000.000.000	74,75
<b>Cộng</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>99.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	99.000.000.000	63.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	16.000.000.000	35.200.000.000
Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	99.000.000.000
Cổ tức đã chia	(25.000.000.000)	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	11.500.000	9.900.000
- Cổ phiếu thường	11.500.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.500.000	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	9.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>364.875.757.006</b>	<b>197.963.338.070</b>
Doanh thu thuần bán thành phẩm	361.645.311.087	194.417.552.474
Doanh thu thuần cho thuê kho	200.000.000	464.736.970
Doanh thu thuần khác	3.030.445.919	3.081.048.626
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan:</b>	<b>361.189.280.400</b>	<b>194.442.185.474</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	194.417.552.474
Tổng công ty Cổ phần Bia rượu NGK Sài Gòn	361.189.280.400	24.633.000
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn của thành phẩm, dịch vụ	278.542.657.584	133.566.693.788
Giá vốn cho thuê kho	-	231.774.108
<b>Cộng</b>	<b>278.542.657.584</b>	<b>133.798.467.896</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.971.084	1.978.495.196
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	76.583.864	8.438.631.132
<b>Cộng</b>	<b>322.554.948</b>	<b>10.417.126.328</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	30.890.444.494	19.847.067.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.988.731	6.677.969
<b>Cộng</b>	<b>30.924.433.225</b>	<b>19.853.745.381</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	798.220.549	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	32.934.850	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.388.640	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	3.651.604.329	1.684.501.386
<b>Cộng</b>	<b>4.690.148.368</b>	<b>1.684.501.386</b>

**6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	5.645.965.486	2.335.989.763
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	1.234.738.694	1.274.534.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.546.310.204	2.889.343.923
Thuế phí, lệ phí	348.233.202	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.940.673	1.858.609.975
Chi phí bằng tiền khác	11.931.469.585	4.861.324.300
<b>Cộng</b>	<b>23.967.657.844</b>	<b>13.219.802.167</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Theo giấy chứng nhận đầu tư thì Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 2 công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.084.119.808	39.608.298.624
Các khoản điều chỉnh	(1.895.888.387)	(2.772.580.904)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	(1.895.888.387)	(2.772.580.904)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.188.231.421	36.835.717.720
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.880.973	9.159.315
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.315</b>	<b>4.022</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.599.250.440	110.463.320.932
Chi phí nhân công	18.618.308.535	8.148.684.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.924.206.588	23.423.498.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.338.024.621	13.210.253.508
Chi phí khác	32.405.907.103	8.549.545.380
<b>Cộng</b>	<b>306.885.697.287</b>	<b>163.795.303.212</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phí sử dụng vỏ chai	2.157.922.779
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam	Bên liên quan	Mua bao bì	78.399.200
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	173.528.945.312

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	417.500.000	213.000.000
Thu nhập của Ban điều hành	1.530.000.000	1.360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.947.500.000</b>	<b>1.573.000.000</b>

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.576.056.676	85.067.671.396	38.576.056.676	85.067.671.396
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.600.839.481	33.951.344.281	28.600.839.481	33.951.344.281
<b>Cộng</b>	<b>67.176.896.157</b>	<b>119.019.015.677</b>	<b>67.176.896.157</b>	<b>119.019.015.677</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	489.759.746.906	420.152.797.418	489.759.746.906	420.152.797.418
Chi phí phải trả	2.547.826.243	27.749.937.742	2.547.826.243	27.749.937.742
Phải trả người bán và phải trả khác	74.027.276.961	56.388.410.743	74.027.276.961	56.388.410.743
<b>Cộng</b>	<b>566.334.850.110</b>	<b>504.291.145.903</b>	<b>566.334.850.110</b>	<b>504.291.145.903</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

### 4. Tài sản đảm bảo

Công ty có thể chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản nợ, khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2016 (xem thuyết minh V.7). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2016.

### 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

1388  
CÔNG T  
NHẬN H  
VỤ T  
NH K  
TÉM T  
AM VI  
P. HỒ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>152.575.103.204</b>	<b>413.759.746.906</b>	<b>566.334.850.110</b>
Các khoản vay	76.000.000.000	413.759.746.906	489.759.746.906
Phải trả người bán và phải trả khác	74.027.276.961	-	74.027.276.961
Chi phí phải trả	2.547.826.243	-	2.547.826.243
<b>Số đầu năm</b>	<b>160.138.348.485</b>	<b>344.152.797.418</b>	<b>504.291.145.903</b>
Các khoản vay	76.000.000.000	344.152.797.418	420.152.797.418
Phải trả người bán và phải trả khác	56.388.410.743	-	56.388.410.743
Chi phí phải trả	27.749.937.742	-	27.749.937.742

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán. Một số số liệu được trình bày lại như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số liệu tại ngày 31/12/2015		
	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>134.002.309.853</b>	<b>134.002.309.853</b>	-
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>134.002.309.853</b>	<b>134.002.309.853</b>	-
1. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.960.829.862	-	(3.960.829.862)
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.960.829.862	3.960.829.862

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	<b>Số liệu năm 2015 trước trình bày lại</b>	<b>Số liệu năm 2015 sau trình bày lại</b>	<b>Tăng / (giảm)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	(300.000.000)	-	300.000.000
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(300.000.000)	(300.000.000)

**9. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính 31/12/2016, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Vũ Lâm

Ngày 24 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng



Hà Thị Hoàn Hảo

Giám đốc



Lê Văn Thập

